

Bản án số: 92 /2018/HS-ST
Ngày 14 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Vũ Gia Đình;

Bà Vũ Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Nhà Văn hóa ĐQ, phường ĐT, thành phố V, Tòa án Nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2018/TLST- HS ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990; tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố TX, thị trấn GK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Tổ dân phố VTT phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hồng Kh và bà Nguyễn Thị L; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2018 cho đến nay (có mặt).

2. Lê Thị Hoàng Y, sinh năm 1989; tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã ChH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở hiện nay: Ngõ 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường KhQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu Hòa (đã chết) và bà Vương Thị Loan; chồng: Nguyễn Quốc V (đã ly hôn) con: có 03 con, con lớn sinh năm

2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/5/2018 đến ngày 09/5/2018 được tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn ĐT3, xã ĐT, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 06/5/2018, Nguyễn Văn Q ở tổ dân phố TX, thị trấn G K, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc đang đứng ở cổng phòng trọ thuộc tổ dân phố VTT, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì Lê Thị Hoàng Y đến phòng trọ của Q chơi. Khi Q và Y đang đứng nói chuyện ở cổng phòng trọ thì Nguyễn Văn Th đến gặp Q và Y, Th hỏi Q: “có ma túy đá bán không, bán cho Th 500.000đ”, Q trả lời: “có mua thì đưa tiền đây tao bán cho”, sau đó Th đưa cho Q 500.000đ, Q cầm tiền rồi đút vào túi quần sau bên phải của Q rồi quay sang bảo Y đi theo Q vào trong phía dãy phòng trọ cách chỗ Th đứng khoảng 2 - 3m, Q đưa cho Y 01 gói nhỏ ma túy đá được gói bằng nilon màu trắng mà Q có sẵn trong người, Q bảo Y đem gói ma túy đá này ra bán cho Th, tiền mua ma túy Th đã đưa cho Q cầm rồi. Y đồng ý và cầm gói ma túy đá Q vừa đưa cho quay ra cổng gặp Th để bán gói ma túy đá cho Th nhưng Y chưa kịp đưa gói ma túy đá cho Th thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang.

Tang vật thu giữ: Thu trong tay phải của Lê Thị Hoàng Y 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng đá, Y khai đó là gói ma túy đá của Q đưa cho Y để bán cho Th được niêm phong theo thủ tục pháp luật ký hiệu A1; thu trong túi quần trái đang mặc của Y số tiền 200.000đ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Y cùng 02 chiếc điện thoại di động đã cũ. Thu trong túi quần sau bên phải đang mặc của Q số tiền 1.410.000đ, Q khai trong đó có 500.000đ là tiền Q vừa bán ma túy cho Th mà có.

Ngày 06/5/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật, tài sản của Nguyễn Văn Q tại nhà trọ ở Tổ dân phố VTT, phường KhQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; quá trình khám xét đã thu giữ: Trên giường ngủ trong phòng trọ của Q 02 chiếc điện thoại di động đã cũ, ngoài ra không thu giữ thêm đồ vật gì.

Tại Kết luận giám định số 588 ngày 8/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,1540g loại Methamphetamine.

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trung cầu gồm A1= 0,0712g mẫu cùng toàn bộ bao gói được niêm phong chung trong một bao gói giấy “Mẫu trả”.

Về nguồn gốc gói ma túy Q đưa cho Y để bán cho Nguyễn Văn Th, quá trình điều tra Q khai nhận: Ngày 05/5/2018 Q mua của một nam Th niên hay gọi là Dũng “Chíp” khoảng 20 tuổi nhà ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 300.000đ, Q không biết họ tên, địa chỉ của Dũng “Chíp”. Cơ quan Công an đã tiến hành xác minh tại Công an xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng không xác định được đối tượng Dũng “Chíp” là ai, ở đâu.

Tại Cáo trạng số 96/CT-VKSND VY ngày 27/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo Q khai bố, mẹ của bị cáo là ông Nguyễn Hồng Kh và bà Nguyễn Thị L đã tham gia quân đội và có quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 107 và 113).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Văn Q; xử phạt Nguyễn Văn Q từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; áp khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Lê Thị Hoàng Y; xử phạt bị cáo Lê Thị Hoàng Y từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chất ma túy hoàn lại sau giám định; trả lại 02 chiếc điện thoại di động cho Lê Thị Hoàng Y và 02 chiếc điện thoại di động cho Nguyễn Văn Q; tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ đã thu giữ của Q; trả lại bị cáo Q 910.000đ; trả lại bị cáo Y 200.000đ và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Hoàng Y nhưng cần tạm giữ để đảm bảo Thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y không bào chữa và tranh luận gì.
Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 06/5/2018, tại cổng phòng trọ của Nguyễn Q ở tổ dân phố VTT, phường KhQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, các bị cáo Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y đã có hành vi bán trái phép chất ma túy (01 gói ma túy đá) cho Nguyễn Văn Th với giá 500.000đ thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ 01 gói nilon bên trong có 0,1540g các hạt tinh thể dạng đá, qua giám định xác định là ma túy Methamphetamine.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt mà điều luật quy định từ 2 năm – 7 năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Q và bị cáo Y phạm tội theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 7 năm nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự nào và đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q có bố, mẹ là ông Nguyễn Hồng Kh và bà Nguyễn Thị L đã tham gia quân đội và được hưởng chế độ trợ cấp một lần. Vì vậy bị cáo Q được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hiện nay trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án: Đối với người bán ma túy cho Q, quá trình điều tra Q khai nhận mua ma túy của một người tên gọi là Dũng “Chíp” khoảng 20 tuổi nhà ở huyện TD với giá 300.000đ, Q không biết họ tên, địa chỉ và quan hệ gia đình của Dũng “Chíp”. Cơ quan Công an đã tiến hành xác minh tại Công an xã KL, huyện TD nhưng không xác định được đối tượng Dũng “Chíp” là ai, ở đâu. Do vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ; đối với Nguyễn Văn Th là người thỏa thuận mua ma túy đá của Q để sử dụng cho bản thân nhưng chưa mua thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt giữ, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ ... Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định các bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định A1= 0,0712g cùng toàn bộ bao gói là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Lê Thị Hoàng Y và 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Văn Q, quá trình điều tra xác định các bị cáo không sử dụng điện thoại liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại điện thoại cho các bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; đối với số tiền 1.410.000đ thu giữ của Q, quá trình điều tra xác định 500.000đ là tiền Q bán ma túy cho Th mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, về số tiền 910.000đ là tiền của Q không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Q; đối với số tiền 200.000đ thu giữ của Y và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Hoàng Y, quá trình điều tra xác định số tiền và chứng minh nhân dân trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Y nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/5/2018).

2.Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Thị Hoàng Y 02 (Hai) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/5/2018 đến ngày 09/5/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật ma túy hoàn lại sau giám định A1= 0,0712g cùng toàn bộ bao gói ; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ của Nguyễn Văn Q; trả lại cho Nguyễn Văn Q 910.000đ và 02 chiếc điện thoại di động đã cũ; trả lại cho bị cáo Lê Thị Hoàng Y số tiền 200.000đ, 02 chiếc điện thoại di động đã cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Hoàng Y nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 02/8/2018).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn Q và Lê Thị Hoàng Y mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Đường

